

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG ĐỒNG HÀNH VINGROUP-ĐHQGHN
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Công văn số /ĐHQGHN-ĐT&CTSV ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã số sinh viên	Khóa học	Ngành học	Năm học bắt đầu nhận học bổng	Ghi chú
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên								
1	Nguyễn Minh Anh	Nữ	21.11.2004	22001049	QH.2022.T	Tài năng Sinh học	2022-2023	Xét tiếp
2	Lưu Thu Cúc	Nữ	08.09.2004	22001449	QH.2022.T	Khoa học và Công nghệ thực phẩm	2023-2024	Xét tiếp
3	Nguyễn Minh Vương	Nam	29.07.2005	23000005	QH.2023.T	Cử nhân khoa học tài năng Toán học	2023-2024	Xét tiếp
4	Nguyễn Hồng Phụng	Nữ	07.12.2004	22000774	QH. 2022.T	Địa chất học Chất lượng cao	2024-2025	Xét mới
5	Nguyễn Thuỳ Dương	Nữ	20.04.2003	21000613	QH. 2021.T	Vật lý học Tài năng	2024-2025	Xét mới
6	Nguyễn Thị Tố Lan	Nữ	27.01.2003	21001112	QH. 2021.T	Địa lý tự nhiên	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn								
7	Hoàng Văn Phúc	Nam	10.05.2004	22031951	QH.2022.X	Quốc tế học Chất lượng cao	2022-2023	Xét tiếp
8	Bế Hoài Ngọc	Nữ	11.04.2003	21031218	QH.2021.X	Quan hệ Công chúng	2022-2023	Xét tiếp
9	Đinh Thu Phương	Nữ	17.06.2003	21032246	QH.2021.X	Việt Nam học	2023-2024	Xét tiếp
10	Nguyễn Văn Lưu	Nam	13.01.2004	22030356	QH.2022.X	Khoa học Quản lý	2023-2024	Xét tiếp
11	Đoàn Mai Dương	Nữ	27.08.2003	21031466	QH.2021.X	Quản trị Khách sạn	2024-2025	Xét mới
12	Phạm Minh Hiếu	Nam	15.10.2003	22031344	QH.2022.X	Triết học	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Ngoại ngữ								
13	Chu Hương Giang	Nữ	29.07.2004	22040007	QH.2022.F1	Sư phạm Tiếng Anh	2022-2023	Xét tiếp

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã số sinh viên	Khóa học	Ngành học	Năm học bắt đầu nhận học bổng	Ghi chú
14	Vù Thị Sài	Nữ	18.09.2004	22040176	QH.2022.F1	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	2022-2023	Xét tiếp
15	Võ Thị Minh Ngọc	Nữ	27.04.2003	21040920	QH.2021.F1	Ngôn ngữ Anh	2023-2024	Xét tiếp
16	Phạm Bích Phương	Nữ	28.03.2005	23040158	QH.2023.F1	Sư phạm tiếng Nhật	2024-2025	Xét mới
17	Phạm Nguyễn Văn Giang	Nữ	13.08.2005	23041240	QH.2023.F1	Ngôn ngữ Đức	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Công nghệ								
18	Vũ Thị Minh Thư	Nữ	16.06.2004	22028116	QH.2022.I	Khoa học Máy tính	2022-2023	Xét tiếp
19	Vũ Huy Hoàng	Nam	05.09.2004	22021108	QH.2022.I	Công nghệ Thông tin Chất lượng cao	2022-2023	Xét tiếp
20	Đoàn Đức Mạnh	Nam	27.01.2004	22022167	QH.2022.I	Kỹ thuật Máy tính	2023-2024	Xét tiếp
21	Nguyễn Phi Anh	Nam	08.12.2005	23020009	QH.2023.I	Công nghệ Thông tin	2023-2024	Xét tiếp
22	Nguyễn Thành Đạo	Nam	10.09.2004	22028113	QH.2022.I	Khoa học Máy tính	2024-2025	Xét mới
23	Châu Nguyễn Tố Trinh	Nữ	09.01.2006	24021647	QH.2024.I	Khoa học Máy tính	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Kinh tế								
24	Bùi Thị Thùy Dương	Nữ	06.10.2004	22050408	QH.2022.E	Tài chính Ngân hàng	2022-2023	Xét tiếp
25	Lê Thúy Nga	Nữ	11.12.2003	21051236	QH.2021.E	Kinh tế	2023-2024	Xét tiếp
26	Ngô Phương Ngọc	Nữ	16.01.2004	22050234	QH.2022.E	Quản trị Kinh doanh	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Giáo dục								
27	Đặng Triệu Huyền Linh	Nữ	30.08.2004	22010788	QH.2022.S	Giáo dục Tiểu học	2022-2023	Xét tiếp
28	Nguyễn Thị Linh	Nữ	28.05.2004	22010833	QH.2022.S	Giáo dục Tiểu học	2022-2023	Xét tiếp
29	Quách Thanh Huyền	Nữ	07.07.2005	23010223	QH.2023.S	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	2023-2024	Xét tiếp

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã số sinh viên	Khóa học	Ngành học	Năm học bắt đầu nhận học bổng	Ghi chú
30	Nguyễn Hà Nhi	Nữ	17.11.2006	24011146	QH.2024.S	Giáo dục Tiểu học	2024-2025	Xét mới
31	Bùi Thị Thùy Trang	Nữ	28.01.2006	24010977	QH.2024.S	GD3-Khoa học giáo dục và khác	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Y Dược								
32	Lê Thanh Xuân	Nữ	20.02.2002	20100119	QH.2020.Y	Y khoa	2022-2023	Xét tiếp
33	Trần Minh Dũng	Nam	15.05.2002	20100018	QH.2020.Y	Y khoa	2023-2024	Xét tiếp
34	Hà Thị Minh Ngọc	Nữ	05.07.2003	21100099	QH.2021.Y	Y khoa	2024-2025	Xét mới
35	Trần Hoàng Đạt	Nam	25.02.2003	21100034	QH.2021.Y	Y khoa	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Việt Nhật								
36	Tạ Quỳnh Anh	Nữ	23.12.2003	21110009	QH.2021.VJU	Nhật Bản học	2023-2024	Xét tiếp
37	Trần Huy Dương	Nam	18.09.2004	22110185	QH.2022.VJU	Nông nghiệp thông minh và Bền vững	2024-2025	Xét mới
38	Phạm Hoàng Trang	Nữ	05.01.2004	22110088	QH.2022.VJU	Nhật Bản học	2024-2025	Xét mới
Trường Đại học Luật								
39	Nguyễn Hà Linh	Nữ	06.08.2004	22062084	QH.2022.L	Luật	2022-2023	Xét tiếp
40	Trịnh Thùy Mai	Nữ	01.11.2003	21061188	QH.2021.L	Luật	2023-2024	Xét tiếp
41	Lê Thị Minh Hằng	Nữ	19.07.2003	21063172	QH.2021.L	Luật Kinh doanh	2024-2025	Xét mới
Trường Quốc tế								
42	Trần Kim Thanh	Nữ	31.12.2004	22070465	QH.2022.Q	Kinh doanh Quốc tế	2022-2023	Xét tiếp
43	Lê Tuấn Tùng	Nam	14.08.2003	21070006	QH.2021.Q	Hệ thống Thông tin Quản lý	2022-2023	Xét tiếp
44	Trần Châu Nhi	Nữ	19.02.2003	21070679	QH.2021.Q	Phân tích Dữ liệu kinh doanh	2023-2024	Xét tiếp

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Mã số sinh viên	Khóa học	Ngành học	Năm học bắt đầu nhận học bổng	Ghi chú
45	Nguyễn Duy Thúc	Nam	16.08.2003	21070278	QH.2021.Q	Phân tích Dữ liệu kinh doanh	2023-2024	Xét tiếp
46	Cao Đức Thắng	Nam	24.10.2003	21070598	QH.2021.Q	Quản lí	2024-2025	Xét mới
Trường Quản trị và Kinh doanh								
47	Lê Thu Minh	Nữ	22.01.2004	22080239	QH.2022.D	Quản trị Nhân lực và Nhân tài	2023-2024	Xét tiếp
48	Phạm Đức Cường	Nam	02.10.2003	21080309	QH.2021.D	Quản trị và An ninh	2024-2025	Xét mới
Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật								
49	Lưu Gia Linh	Nữ	26.11.2004	22090420	QH.2022.K	Quản trị Tài nguyên Di sản	2022-2023	Xét tiếp
50	Đỗ Thị Vân Anh	Nữ	25.01.2003	21090083	QH.2021.K	Quản trị Thương hiệu	2023-2024	Xét tiếp
51	Nguyễn Mai Thu	Nữ	06.10.2006	24090802	QH.2024.K	Quản lí Giải trí và Sự kiện	2024-2025	Xét mới

Danh sách gồm 51 sinh viên, trong đó 20 sinh viên xét mới và 31 sinh viên xét tiếp./.